

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 153/2012/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số chế độ và trang thiết bị đối với vận động viên,
huấn luyện viên thể thao tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Theo đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 377/TTr-SVHTTDL ngày 18 tháng 5 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chế độ và trang thiết bị đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2009 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Linh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số chế độ và trang thiết bị đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao tỉnh Bắc Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 153/2012/QĐ-UBND ngày 08/6/2012
của UBND tỉnh Bắc Giang)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chế độ và trang thiết bị đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao trong thời gian tập trung tập luyện, thời gian tập huấn chuẩn bị thi đấu, thời gian thi đấu các giải thể thao, hội thi thể thao, hội khoẻ phù đồng tỉnh, trong nước theo điều lệ và quyết định của cấp có thẩm quyền được tổ chức tại tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Vận động viên năng khiếu, vận động viên các đội tuyển và huấn luyện viên các môn thể thao của tỉnh.

Điều 3. Một số chế độ đối với vận động viên năng khiếu, vận động viên các đội tuyển và huấn luyện viên thể thao

1. Chế độ trang thiết bị, dụng cụ tập luyện cho vận động viên năng khiếu, vận động viên các đội tuyển:

a) Vận động viên năng khiếu được hưởng chế độ trang thiết bị, dụng cụ tập luyện hàng năm *(có biểu chi tiết kèm theo)*;

b) Chế độ trang thiết bị, dụng cụ tập luyện hàng năm cho vận động viên các đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh hưởng như vận động viên năng khiếu. Vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh được cấp chế độ quả cầu đá, quả cầu lông gấp 1,5 lần; chế độ quần áo chuyên dùng, giày chuyên dùng, vợt, cước được cấp gấp 2 lần so với vận động viên năng khiếu;

c) Chế độ trang thiết bị, dụng cụ trong thời gian tập huấn được bổ sung 01 bộ quần áo ngắn thể thao, 01 đôi giày chuyên dùng. Trong thời gian tham gia Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao toàn quốc, mỗi vận động viên được trang bị thêm 01 bộ quần áo Sovec để diễu hành (đối với vận động viên các môn thể thao không tập trung đào tạo thường xuyên, trong thời gian tập huấn, làm nhiệm vụ thi đấu cho tỉnh hoặc cho huyện, thành phố theo Quyết định của cấp có thẩm quyền thì được trang bị: 02 bộ quần áo ngắn thể thao, 02 đôi giày ba ta, 02 đôi tất, 01 đôi giày chuyên dùng).

2. Chế độ trang thiết bị, dụng cụ huấn luyện cho huấn luyện viên thể thao hàng năm:

a) Quần áo Sovec: 01 bộ/người/năm;

b) Quần áo ngắn thể thao: 02 bộ/người/năm;

c) Giày ba ta và tất: 02 đôi/người/năm;

d) Giấy chuyên dùng: 01 đôi/người/năm;

đ) Riêng huấn luyện viên thể thao các môn: Cầu lông, quần vợt, bóng bàn hưởng chế độ vợt và cước như vận động viên năng khiếu.

3. Chế độ chính sách xã hội

Chế độ tiền công, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu áp dụng theo Điều 1, Điều 2 Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí chi chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên hàng năm được bố trí trong dự toán chi ngân sách của tỉnh cấp cho Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện, thành phố và các nguồn huy động khác theo quy định của Nhà nước.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Bắc Giang chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Linh

**CHẾ ĐỘ TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ TẬP LUYỆN ĐÀO TẠO
VẬN ĐỘNG VIÊN NĂNG KHIẾU, HỌC SINH NĂNG KHIẾU**

Trang bị tập luyện thường xuyên	Vật, Judo	Đá cầu	Cầu mây	Cầu lông	Các môn Vó, Boxing	Điện kinh	B.chuyên /B. ném	Cờ vua	Bóng đá	Bóng bàn	Bơi lội	Cử tạ	Quần vợt
Quần áo dài thể thao	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ
Quần áo ngắn thể thao	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	03 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ
Giày ba ta	03 đôi	03 đôi	03 đôi	04 đôi	03 đôi	04 đôi	04 đôi	03 đôi	04 đôi	03 đôi	03 đôi	03 đôi	03 đôi
Tất	03 đôi	03 đôi	03 đôi	04 đôi	03 đôi	04 đôi	04 đôi	03 đôi	04 đôi	03 đôi	03 đôi	03 đôi	03 đôi
Dây nhảy	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái
Bao gối, ken cổ tay	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi	Tài liệu	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi
Quần áo chuyên dùng	01 bộ			02 bộ	01 bộ	02 bộ	02 bộ		02 bộ		02 bộ	01 bộ	01 bộ
Giày chuyên dùng	01 đôi	02 đôi	01 đôi	01 đôi	01 đôi	01 đôi	02 đôi		02 đôi	01 đôi		01 đôi	01 đôi
Quả cầu, quả bóng		1 quả/ người/ ngày	3 quả/ người/ năm	2 quả/ người/ ngày			3 quả / người/ năm		3 quả/ người/ năm	10 quả/ người/ tháng			4ống/ người/ tháng
Vợt, cờ, quạt cờ, đồng													
Vợt, cờ, quạt cờ, đồng		4lưới/ năm/ đội (lớp)	2lưới/ năm/ đội (lớp)	4lưới/ năm/ đội (lớp); 1 chiếc vợt+ 3 bộ cờ/ người/ năm	01 bộ B.khi/ năm/đội	02 bộ đinh giấy / người/ năm	2bộ lưới/ đội/ năm	01 bộ bàn cờ treo/lop/năm; 01 đồng hồ/4 VĐV/năm	02bộ lưới/ đội, lớp/ năm	1vợt + 2mặt vợt/người/ năm; 4bộlưới /đội/năm			1chiếc vợt+ 3 bộ cờ/ người/ năm
Khăn, mũ, găng, kính, cucky, bảo vệ răng, hàm, đai bụng		02 khăn/ người/ năm			1mũ +2 đờigăng tay (sànđai)/ người/năm		2đôi găng / thú môn/ năm		2đôi găng tay/ t.môn/năm; 2 đôi bít ống quỳ/ người/ năm		2mũ+ 2kính/n gười/ năm	01đai bụng/ người/ năm	02 mũ vải/ người/ năm